

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Quá trình thành lập công ty:

Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu đã hoạt động khá thành công trong các lĩnh vực như: Đầu tư hạ tầng viễn thông, đầu tư vào các công ty chuyên ngành, xây dựng và vận hành bảo dưỡng các công trình dân dụng, dịch vụ kỹ thuật cao, sản xuất thiết bị điện công nghiệp, tích hợp hệ thống trung tâm dữ liệu, kinh doanh sản phẩm và tích hợp giải pháp.

Năm 1996	Ngày 09 tháng 10 năm 1996 Công ty Thương mại Toàn Cầu A (TNHH) với tên giao dịch tiếng Anh là GLT Co., Ltd được chính thức thành lập.
Năm 2005	Ngày 28 tháng 12 năm 2005 đã chính thức chuyển sang hình thức hoạt động là cổ phần với việc đổi tên thành Công ty cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004205 do Sở Kế hoạch đầu tư TPHCM với vốn điều lệ 6 tỷ đồng.
Năm 2007	Liên kết với VinaCapital – Vietnam Infrastructure Investment Ltd (Quỹ Đầu tư cơ sở Hạ tầng) thành lập Công ty TNHH Đầu tư hạ tầng Toàn Cầu. Liên doanh với Site Preparation Management Co., Ltd (Thái Lan) và Atlas CSF SDN.BHD (Malaysia) thành lập Công ty TNHH Liên Doanh Global Sitem.
Năm 2008	Ngày 31/01/2008, Công ty chính thức đăng ký là công ty đại chúng. Mở rộng lĩnh vực xây dựng hạ tầng cho viễn thông BTS với tốc độ phát triển 199 trạm.
Năm 2009	Qua 06 lần tăng vốn đến ngày 13 tháng 07 năm 2009 tổng vốn điều lệ là 63.757.790.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301446868 ngày 13 tháng 7 năm 2009.
Năm 2010	Thay đổi Giấy chứng nhận ĐKKD lần 8: tăng vốn điều lệ lên 92.364.460.000 đồng
Năm 2011	Thay đổi Giấy chứng nhận ĐKKD lần thứ 13: thay đổi địa chỉ trụ sở chính tại số 1 Đường Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TpHCM. Đầu tư vào Công ty Cổ phần Inno sở hữu đất tại Tân Thuận với tổng diện tích 5000m ² . Hội đồng quản trị thông qua việc giải thể Công ty TNHH MTV Sản Xuất Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu
Năm 2012	Thay đổi Giấy chứng nhận ĐKKD lần thứ 14: bổ sung ngành nghề kinh doanh

Hội đồng quản trị thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty CP Đầu Tư Hạ Tầng Toàn Cầu cho 2 nhà đầu tư là Southeast Asia Telecommunications và Delong Opportunity Investments Pte có trụ sở tại Singapore

2. Quá trình phát triển:

- Sau 17 năm hoạt động, công ty Toàn Cầu đã có những bước phát triển và ổn định trong lĩnh vực ngành nghề đang hoạt động. Việc đầu tư thêm Công ty CP Inno định hướng cho lĩnh vực phát triển mới trong tương lai. Quy mô công ty gồm 2 công ty con và 1 công ty liên kết thu hẹp còn 1 công ty con hoạt động chuyên sâu trong các lĩnh vực kỹ thuật cao, bao gồm: điện, điện tử, tự động, đầu tư hạ tầng viễn thông, tích hợp hệ thống trung tâm dữ liệu, ... Hoạt động và mạng lưới kinh doanh của công ty Công ty đã phát triển khắp cả nước với trụ sở chính tại Tp. Hồ Chí Minh, văn phòng đại diện tại Hà Nội.
- Với 1 bộ máy tổ chức tinh gọn, 1 đội ngũ nhân viên nhiệt tình có trình độ và tính chuyên nghiệp cao; với nguồn tài chính lành mạnh và với 1 vị thế vững chãi trên thương trường, công ty Toàn Cầu luôn được khách hàng và các đối tác trong và ngoài nước tin tưởng đánh giá cao.

3. Định hướng phát triển:

HDQT và Ban điều hành công ty đã thống nhất mục tiêu chiến lược tập trung trong 3 lĩnh vực trong năm 2013 như sau:

3.1 Lĩnh vực phát triển

- Giải pháp hạ tầng trung tâm dữ liệu - Datacenter

3.2 Lĩnh vực khai thác

- Giải pháp chống sét
- Giải pháp nguồn
- Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng viễn thông di động - BTS
- Sản phẩm mới về công nghệ IT (Aten & Systimex)

3.3 Lĩnh vực tiềm năng

- Dịch vụ IBS
- Giải pháp tiết kiệm điện và năng lượng thay thế

Việc thống nhất được mục tiêu chiến lược giúp công ty định hướng được những lĩnh vực cần tập trung và đầu tư nguồn lực để phát huy lợi thế lớn nhất của mình.

o Về lĩnh vực phát triển

Giải pháp sản phẩm cho Datacenter: Đây là thị trường rất rộng lớn. Việc cung cấp hạ tầng cho Trung tâm dữ liệu, Công ty đã có những dự án lớn thực hiện cả trong nước và ngoài nước. Khách hàng của công ty là các công ty viễn thông lớn như Viettel, VDC, Hải Quan, FPT, VCB...

o Về lĩnh vực khai thác

a. Về giải pháp chống sét và nguồn

Đây là lĩnh vực hoạt động truyền thống của công ty và mang lại doanh số lớn cho công ty. Tuy nhiên những năm vừa qua nền kinh tế khó khăn, các dự án lớn đều bị treo lại, thị trường viễn thông bão hòa, các nhà mạng di động giảm đầu tư, Viettel, Gtel giảm đầu tư BTS, vì thế doanh số của Toàn Cầu cũng bị ảnh hưởng giảm xuống rõ rệt.

Với năng lực và kinh nghiệm lâu năm của Công ty, Toàn Cầu đang đẩy mạnh và tập trung việc tích hợp giải pháp nhiều sản phẩm để mang lại cho khách hàng một giải pháp tin cậy và hiệu quả.

b. Đầu tư hạ tầng viễn thông

Hiện tại, Công ty đang sở hữu 179 trạm BTS. Giá trị đầu tư có tính ổn định về doanh số và lợi nhuận lâu dài.

c. Sản phẩm mới (Aten & Systimex)

Công ty TNHH Global Sitem là công ty con của Toàn Cầu đã chính thức trở thành nhà phân phối các sản phẩm của hãng Aten (Taiwan). ATEN là nhà sản xuất KVM Switch lớn nhất thế giới với hàng ngàn sản phẩm đáp ứng từ yêu cầu chuyên nghiệp cho Data Center. ATEN đã nhận nhiều giải thưởng về Công nghệ tiên tiến và Sản phẩm Chất lượng trên thế giới. www.aten.com

Việc mở rộng thêm sản phẩm mới công ty có định hướng và giải pháp tốt hơn cho khách hàng với thị trường Data Center.

o Về lĩnh vực tiềm năng

a. Dịch vụ IBS

Đây là lĩnh vực tiềm năng, nếu thành công sẽ đem về cho công ty về tính ổn định về doanh số và lợi nhuận lâu dài.

b. Giải pháp tiết kiệm điện và năng lượng thay thế

Công ty vẫn đang nghiên cứu các sản phẩm tiết kiệm năng lượng. Đây là lĩnh vực có quy mô thị trường lớn nhưng rất khó khăn cần thời gian nghiên cứu và tìm kiếm đối tác.

Công ty vẫn đang từng bước triển khai và điều chỉnh chiến lược cho phù hợp với thị trường.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/CHỦ TỊCH CÔNG TY

1. Kết quả hoạt động trong năm 2012:

I. Về hoạt động kinh doanh:

Hoạt động của Công ty CP Kỹ thuật điện Toàn Cầu (GLT) giảm trong năm 2012, doanh số chỉ đạt 83% so với kế hoạch, và chỉ đạt 80% so với năm 2011. Hoạt động tài chính của Toàn Cầu vẫn duy trì kiểm soát tốt. Doanh thu hoạt động tài chính tăng mạnh do công ty thu được lợi nhuận từ chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Đầu Tư Hạ Tầng Toàn Cầu. Hiện nay, Toàn Cầu sở hữu 5,000 m² đất tại KCX Tân Thuận dưới việc kiểm soát công ty INNO để mở rộng tìm kiếm cơ hội kinh doanh trên việc sở hữu này.

Năm 2012, hoạt động của Công ty Liên doanh Global Sitem (GSC) đạt 67% so với kế hoạch và giảm 19% so với năm trước. Điều này cho thấy sự khó khăn chung của nền kinh tế đã ảnh hưởng tới thị trường hạ tầng trung tâm dữ liệu. Tuy nhiên GSC đã và đang nỗ lực dần khẳng định thương hiệu của mình trên thị trường hạ tầng trung tâm dữ liệu. Trong thời gian tới, GSC dự kiến sẽ tập trung đầu tư vào các dự án data center tích hợp, mở rộng kênh phân phối máy lạnh chính xác, các sản phẩm kỹ thuật và phát triển dịch vụ bảo trì để hoạt động của GSC phát triển ngày càng bền vững.

Về nhân sự:

Năm 2012 bộ máy quản lý của Toàn Cầu đã đi vào ổn định, hướng đến sự phát triển nguồn lực bền vững.

2. Kế hoạch năm 2013:

Những diễn biến bất lợi khó khăn của môi trường kinh doanh năm 2012, sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh năm 2013. Vì thế, Toàn Cầu đã rất thận trọng khi lên kế hoạch hoạt động cho năm 2013:

☞ Mục tiêu 1:	Đạt doanh số hợp nhất 189 tỷ đồng
☞ Mục tiêu 2:	Đạt lợi nhuận hợp nhất sau thuế 19.5 tỷ

Mục tiêu 3:	Đạt mục tiêu chia cổ tức 15%
Mục tiêu 4:	Đảm bảo nguồn nhân lực quản lý
Mục tiêu 5:	Đẩy mạnh việc kinh doanh sản phẩm giám sát và tiết kiệm năng lượng Đẩy mạnh hoạt động dịch vụ IBS
Mục tiêu 6:	Tìm cơ hội kinh doanh tại lô đất của IN NO trong KCX Tân Thuận

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC: Báo cáo tình hình tài chính

1. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/03/2013: 10.000 VNĐ / Cổ phần
2. Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp:
 - Vốn góp đầu năm: 92.364.460.000 đồng
 - Vốn góp tăng trong năm: 0 đồng
 - Vốn góp cuối năm: 92.364.460.000 đồng
3. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (đến thời điểm 31/03/2013): 9.177.796 cổ phiếu.
4. Số lượng cổ phiếu quỹ: 58.650 cổ phiếu.
5. Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong năm 2012: 25.748.398.300 đồng

IV. Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt năm 2012 đã được kiểm toán:**1. Bảng Cân đối kế toán****CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU**

Địa chỉ: Số 1, đường Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 15 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		182,088,257,702	110,909,466,465
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	63,350,560,781	15,980,838,005
1 Tiền		111		6,883,560,781	6,680,838,005
2 Các khoản tương đương tiền		112		56,467,000,000	9,300,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		11,063,615,151	11,964,268,392
1 Đầu tư ngắn hạn		121	V.2	11,063,615,151	11,964,268,392
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		79,206,088,538	63,249,431,341
1 Phải thu khách hàng		131	V.3	34,081,433,005	52,940,349,803
2 Trả trước cho người bán		132	V.4	1,089,897,244	2,764,498,644
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5 Các khoản phải thu khác		135	V.5	45,059,638,159	8,432,688,703
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		139	V.6	-1,024,879,870	-888,105,809
IV. Hàng tồn kho		140		20,674,823,138	12,519,647,683
1 Hàng tồn kho		141	V.7	22,761,086,014	14,185,609,618
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149	V.8	-2,086,262,876	-1,665,961,935
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		7,793,170,094	7,195,281,044
1 Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.9	3,730,999,144	2,800,399,164
2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		1,386,713,903	1,405,024,507
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153		1,081,030,526	-
4 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		157			
5 Tài sản ngắn hạn khác		158	V.10	1,594,426,521	2,989,857,373
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		33,374,393,047	85,261,382,995
I. Các khoản phải thu dài hạn		210			
1 Phải thu dài hạn của khách hàng		211			
2 Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		212			
3 Phải thu dài hạn nội bộ		213			
4 Phải thu dài hạn khác		218			
5 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219			
II. Tài sản cố định		220		729,840,246	2,408,821,985
1 Tài sản cố định hữu hình		221	V.11	591,661,800	1,106,490,288
<i>Nguyên giá</i>		222		3,803,371,788	4,227,733,880
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		223		-3,211,709,988	-3,121,243,592
2 Tài sản cố định thuê tài chính		224			
<i>Nguyên giá</i>		225			
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		226			
3 Tài sản cố định vô hình		227	V.12	20,109,441	65,812,776
<i>Nguyên giá</i>		228		109,688,000	109,688,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		229		-89,578,559	-43,875,224
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		230	V.13	118,069,005	1,236,518,921
III. Bất động sản đầu tư		240	V.14	9,232,221,064	15,505,224,590
<i>Nguyên giá</i>		241		39,999,680,784	38,179,543,108

	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-30,767,459,720	-22,674,318,518
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5,915,498,608	49,436,003,495
1	Đầu tư vào công ty con	251			
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15		42,110,236,397
3	Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	5,915,498,608	7,325,767,098
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V.	Tài sản dài hạn khác	260		14,797,015,502	14,789,668,797
1	Chi phí trả trước dài hạn	261		11,829,648,091	12,173,684,913
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		36,888,698	48,187,637
3	Tài sản dài hạn khác	268	V.17	2,930,478,713	2,567,796,247
VI.	Lợi thế thương mại	269		2,699,817,627	3,121,664,128
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		215,462,650,749	196,170,849,460
NGUỒN VỐN					
A -	NỢ PHẢI TRẢ	300		59,955,890,484	53,386,743,247
I.	Nợ ngắn hạn	310		51,678,824,714	50,587,920,647
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	3,571,344,188	5,207,272,550
2	Phải trả người bán	312	V.19	16,065,012,140	26,505,620,015
3	Người mua trả tiền trước	313	V.20	3,019,550,196	887,730,228
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	16,110,722,747	7,302,417,343
5	Phải trả người lao động	315	V.22	2,500,000	395,718,602
6	Chi phí phải trả	316	V.23	630,556,725	2,447,976,539
7	Phải trả nội bộ	317			
8	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	8,801,676,719	2,782,051,909
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.25	1,372,649,866	3,056,598,106
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.26	2,104,812,133	2,002,535,355
12	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			
II.	Nợ dài hạn	330		8,277,065,770	2,798,822,600
1	Phải trả dài hạn người bán	331			
2	Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3	Phải trả dài hạn khác	333			
4	Vay và nợ dài hạn	334			
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			138,906,000
7	Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8	Doanh thu chưa thực hiện	338	V.27	7,058,045,834	1,027,167,454
9	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		1,219,019,936	1,632,749,146
B -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		149,496,843,867	134,278,740,860
I.	Vốn chủ sở hữu	410		149,496,843,867	134,278,740,860
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.28	92,364,460,000	92,364,460,000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.28	6,083,358,132	6,083,358,132
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4	Cổ phiếu quỹ	414	V.28	-1,007,355,357	-286,125,132
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7	Quỹ đầu tư phát triển	417	V.28		
8	Quỹ dự phòng tài chính	418	V.28	2,421,132,831	4,274,096,022
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.28	49,635,248,261	31,842,951,838
11	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
12	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1	Nguồn kinh phí	432			
2	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433			
C -	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		6,009,916,398	8,505,365,353
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		215,462,650,749	196,170,849,460

2. Kết quả hoạt động kinh doanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	175,737,654,867	202,887,667,166
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.1	60,698,220	8,736,000
3	Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	10	VI.1	175,676,956,647	202,878,931,166
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	117,243,912,112	138,376,552,500
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		58,433,044,535	64,502,378,666
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	35,344,330,405	2,985,106,438
7	Chi phí tài chính	22	VI.4	1,139,713,886	2,034,706,999
8	Chi phí bán hàng	24	VI.5	17,214,237,577	16,652,943,565
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	16,501,222,148	11,427,101,831
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		58,922,201,329	37,372,732,709
11	Thu nhập khác	31		635,297,337	909,620,215
12	Chi phí khác	32		4,325,205,955	168,410,968
13	Lợi nhuận khác	40		-3,689,908,618	741,209,247
14	Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		14,609,163,603	5,447,836,512
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		69,841,456,314	43,561,778,468
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	18,574,622,607	5,773,834,695
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		11,298,939	161,847,657
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		51,255,534,768	37,626,096,116
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		2,290,381,045	3,871,672,852
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		48,965,153,723	33,754,423,264
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	5,314	3,662

3. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản:

Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo
Cơ cấu tài sản	
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	15.49%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	84.51%
Cơ cấu nguồn vốn	
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	27.83%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	69.38%
Khả năng thanh toán	
- Khả năng thanh toán nhanh	3.1 lần
- Khả năng thanh toán hiện hành	3.5 lần
Tỷ suất lợi nhuận	
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	22.7%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	27.87%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	32.75%

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Đơn vị kiểm toán độc lập:

Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Nexia ACPA.

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Citilight Tower, 45 Võ Thị Sáu - Quận 1 – TP Hồ Chí Minh

2. Ý kiến kiểm toán độc lập:

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

1. Công ty Toàn Cầu đầu tư vào các công ty con thời điểm 31/03/2013 với số vốn góp và tỷ lệ sở hữu như sau:

- Công ty TNHH Liên doanh Global-Sitem: 1.635.330.000 đồng, tỷ lệ sở hữu 51%.
- Công ty Cp Inno: 14.994.000.000 đồng, tỷ lệ sở hữu 99.98%.

2. Công ty Toàn Cầu đầu tư vào các công ty liên kết và thời điểm 31/03/2013 với số vốn góp và tỷ lệ sở hữu như sau:

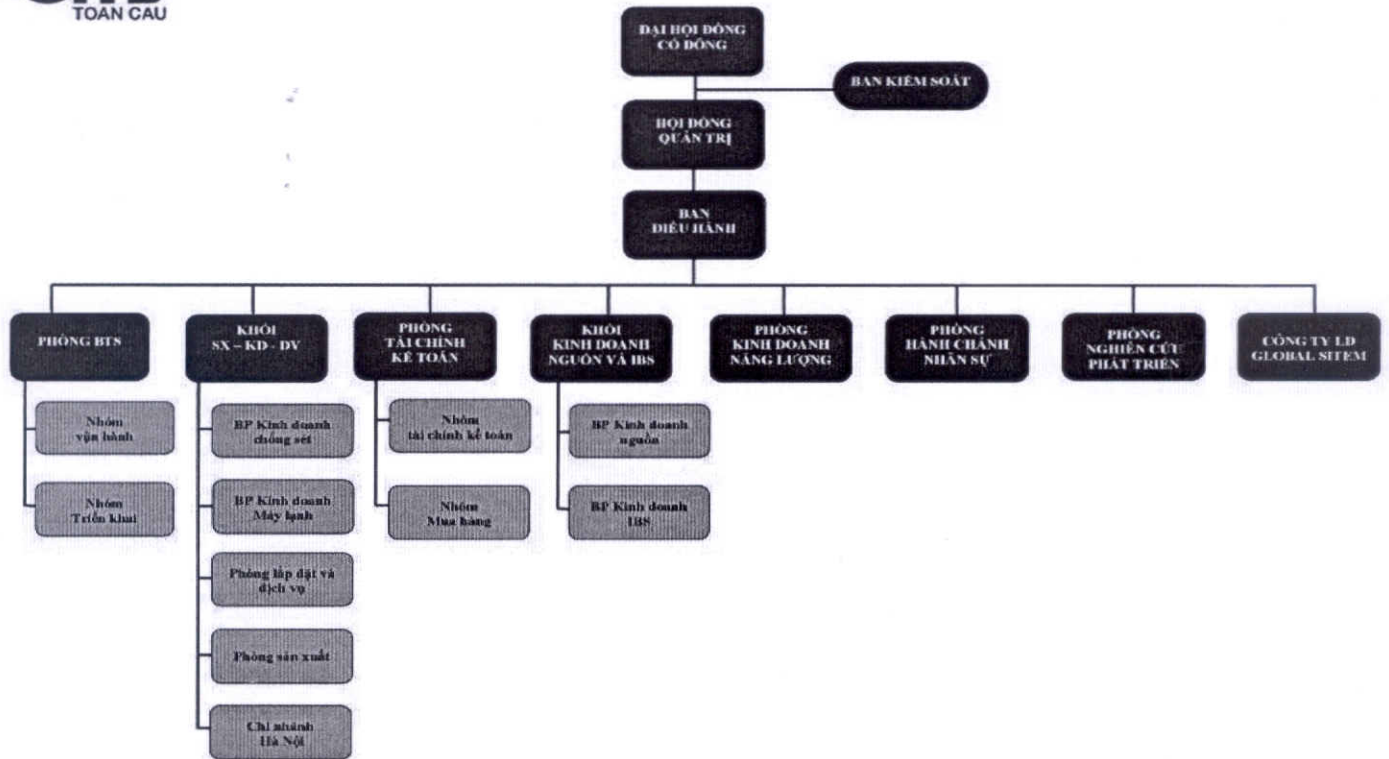
- Công ty TNHH Hanel-CSF: 1.831.595.000 đồng, tỷ lệ sở hữu 10%

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- Tổng số nhân viên: 74 người
- Nhân viên quản lý: 8 người



CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU



VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đương nhiệm của công ty (tỷ lệ sở hữu vốn tại thời điểm 29/5/2013):

Họ và tên	Chức vụ	SL cổ phần sở hữu		Tổng cộng
		Đại diện	Sở hữu	
Ông Lâm Thiếu Quân <i>Đại diện cho tổ chức Công ty CP công nghệ Tiên Phong</i>	Chủ tịch HĐQT	1.200.000	55.439	1.255.439 (chiếm 13.59 % vốn điều lệ)
Ông Nguyễn Hữu Lam <i>Đại diện cho tổ chức Công ty CP công nghệ Tiên Phong</i>	Thành viên HĐQT	560.000	00	560.000 (chiếm 6.06% vốn điều lệ)
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên HĐQT/TGD	00	1.893.339	1.893.339 (chiếm 20.50 % vốn điều lệ)
Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết <i>Đại diện cho tổ chức Công ty CP công nghệ Tiên Phong</i>	Thành viên HĐQT	560.000	15.955	575.955 (chiếm 6.24 % vốn điều lệ)
Ông Tạ Huy Phong	Thành viên HĐQT	00	182.034	182.034 (chiếm 1.97 % vốn điều lệ)
Ông Mai Minh Tân <i>Đại diện cho tổ chức Vietnam Infrastructure Holding Limited</i>	Thành viên HĐQT	00	00	00 (chiếm 0% vốn điều lệ)
Bà Trịnh Thị Thúy Liễu <i>Đại diện cho tổ chức Công ty CP công nghệ Tiên Phong</i>	Trưởng BKS	420.000		420.000 (chiếm 4.55% vốn điều lệ)
Ông Nguyễn Minh Hoàng <i>Đại diện cho tổ chức Công ty CP công nghệ Tiên Phong</i>	Thành viên BKS	290.000	00	290.000 (chiếm 3.14% vốn điều lệ)
Bà Trần Thị Thu Hiền <i>Đại diện cho tổ chức Công ty CP công nghệ Tiên Phong</i>	Thành viên BKS		44.836	44.836 (chiếm 0.49% vốn điều lệ)

Thành viên HĐQT có 4/6 thành viên không đảm nhiệm chức vụ trong bộ máy điều hành của công ty. Ban kiểm soát có 3/3 thành viên không tham gia vào bộ máy điều hành của công ty.

2. Các dữ liệu thông kê về cổ đông góp vốn

a) Cổ đông góp vốn trong nước

Đến thời điểm 29/5/2013, cổ đông trong nước chiếm 99.69 % tổng số cổ phần đang lưu hành của công ty. Trong đó, các cổ đông lớn (từ 5% số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty) bao gồm:

- Công ty cổ phần công nghệ Tiên Phong
- Địa chỉ: Số 1 Đường Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Q. 7, Tp. HCM
- Số lượng cổ phần sở hữu: 4.129.249 cổ phần
- Tỷ lệ vốn góp của công ty: 44.99 %
- Cổ đông Nguyễn Hữu Dũng

- Địa chỉ: 79A đường số 25, phường Tân Qui, Q.7, TPHCM
- Số lượng cổ phần sở hữu: 1.893.339 cổ phần
- Tỷ lệ vốn góp của công ty: 20.63 %

▪ Cổ đông Võ Hùng Vĩ

- Địa chỉ: 23 Đường số 8, Cư xá Bình Thới, F.8, Q.11 Tp HCM
- Số lượng cổ phần sở hữu: 599.596 cổ phần
- Tỷ lệ vốn góp của công ty: 6.53 %

b) Cổ đông góp vốn nước ngoài

- Đến thời điểm 29/5/2013, cổ đông nước ngoài chiếm 0.31% tổng số cổ phần đang lưu hành của công ty.

TP Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 6 năm 2013

Tổng giám đốc



NGUYỄN HỮU DŨNG